

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**LIÊN TỊCH
BỘ TÀI CHÍNH - BỘ GIAO
THÔNG VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2007

Số: 22/2007/TTLT/BTC-BGTVT

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**hướng dẫn về quản lý giá cước vận chuyển hàng không nội địa
và giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay Việt Nam**

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/UBTVQH10 ngày 26 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý giá cước vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ hàng không như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về nguyên tắc xác định giá cước vận chuyển hàng không nội địa (hàng hóa, hành khách); giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay mà các dịch vụ này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh phí và lệ phí; thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ

chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi là đơn vị) được phép cung ứng và sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ hàng không tại Việt Nam.

3. Đồng tiền thanh toán

3.1. Mức giá cước vận chuyển hàng không nội địa bán trên lãnh thổ Việt Nam, giá dịch vụ hàng không cung ứng cho các chuyến bay nội địa được quy định bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

3.2. Mức giá cước vận chuyển hàng không nội địa bán ngoài lãnh thổ Việt Nam, giá dịch vụ hàng không cung ứng cho các chuyến bay quốc tế được quy định bằng đồng Đô la Mỹ (USD). Trường hợp thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam thì quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nguyên tắc xác định giá cước vận chuyển hàng không nội địa, giá dịch vụ hàng không

Ngoài việc thực hiện theo Quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ ban hành kèm theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 của Bộ Tài chính, các đơn vị phải tuân thủ các nguyên tắc quy định dưới đây:

1.1. Giá cước vận chuyển hàng không nội địa: được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý, phù hợp với chất lượng dịch vụ, tình hình cung cầu, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phù hợp với mức giá trung bình của cùng loại dịch vụ trong Khu vực ASEAN.

1.2. Giá dịch vụ hàng không:

a) Giá dịch vụ hàng không đối với các chuyến bay quốc tế (không phân biệt tàu bay của hãng hàng không Việt Nam hay nước ngoài): được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư và tạo tích lũy cho đơn vị, phù hợp với chất lượng dịch vụ và mức giá trung bình của cùng loại dịch vụ trong Khu vực ASEAN;

b) Giá dịch vụ hàng không đối với các chuyến bay nội địa: được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý, phù hợp với chất lượng dịch vụ và giá cả thị trường trong nước, có tính đến quan hệ tổng hòa giữa giá trong nước và quốc tế của cùng loại dịch vụ, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và mức giá trung bình của cùng loại dịch vụ trong Khu vực ASEAN.

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá

2.1. Bộ Tài chính

Quyết định giá, khung giá các dịch vụ sau đây theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải:

a) Khung giá cước vận chuyển hành khách nội địa hạng phổ thông (Hạng Y);

b) Giá dịch vụ cất cánh, hạ cánh; điều hành bay đi, đến; hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; soi chiếu an ninh; phục vụ hành khách;

c) Khung giá một số dịch vụ hàng không khác còn hoạt động độc quyền tại cảng hàng không, sân bay, gồm:

- Dịch vụ thuê sân đậu tàu bay;
- Dịch vụ thuê quầy làm thủ tục hành khách;
- Dịch vụ cho thuê băng chuyền hành lý;
- Dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên xuống máy bay.

2.2. Bộ Giao thông Vận tải

Cục Hàng không Việt Nam là cơ quan trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thay mặt Bộ Giao thông vận tải thực hiện:

a) Chi đạo, hướng dẫn các đơn vị cung ứng dịch vụ lập phương án giá, khung giá; tổ chức thẩm định phương án giá, khung giá do đơn vị lập; có ý kiến chính thức bằng văn bản đề nghị Bộ Tài chính quyết định giá, khung giá các dịch vụ tại khoản 2.1 điểm 2 mục II;

b) Hướng dẫn các đơn vị thực hiện các quyết định giá, khung giá do Nhà nước quy định; các quy định về quản lý giá quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2.3. Các đơn vị cung ứng dịch vụ

a) Lập phương án giá, khung giá các dịch vụ hàng không, khung giá cước vận chuyển hành khách nội địa quy định tại khoản 2.1 điểm 2 mục II, báo cáo Bộ Tài chính và Cục Hàng không Việt Nam;

Phương án giá được tính toán trên cơ sở các nguyên tắc quy định tại điểm 1 mục II Thông tư này và Quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ ban hành kèm theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005 của Bộ Tài chính. Hồ sơ phương án giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

b) Quyết định mức giá cụ thể các dịch vụ quy định tại khoản a và c điểm 2.1 mục II của Thông tư này phù hợp với tình hình thị trường và trong khung giá do Bộ Tài chính quy định;

c) Quyết định giá cước vận chuyển hàng không và giá các dịch vụ hàng không khác không thuộc danh mục quy định tại khoản 2.1 điểm 2 mục II của Thông tư này;

d) Quyết định giá cước vận chuyển hàng không và giá các dịch vụ của đơn vị được gửi tới Bộ Tài chính và Cục Hàng không Việt Nam trước khi văn bản có hiệu lực thi hành (thay báo cáo) ít nhất 15 ngày.

3. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá và trình tự, thời hạn quyết định giá: thực hiện theo quy định tại Điều 9 và

Điều 10 Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị cung ứng dịch vụ

1.1. Thực hiện các quy định về giá hàng không theo hướng dẫn tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

1.2. Thực hiện việc niêm yết giá tại nơi giao dịch mua bán, cung cấp dịch vụ. Đối với dịch vụ do Nhà nước quy định mức giá cụ thể phải niêm yết đúng giá quy định. Đối với dịch vụ do đơn vị ban hành mức giá cụ thể theo khung giá Nhà nước quy định hoặc các dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của đơn vị thì niêm yết theo mức giá do đơn vị quy định.

1.3. Trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Cục Hàng không Việt Nam, đơn vị phải lập và gửi báo cáo về tình hình thực hiện giá hàng không tại đơn vị. Đối với các đơn vị là doanh nghiệp thành viên của Tổng

công ty Hàng không Việt Nam, việc báo cáo tình hình thực hiện giá theo các quy định của Thông tư này được thực hiện tập trung qua Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

2. Thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện giá dịch vụ

Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thanh tra, kiểm tra độc lập hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành mức giá và các quy định của Nhà nước về quản lý giá tại các đơn vị; xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm theo quy định hiện hành.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 35/2005/TT-BTC ngày 12/5/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không không thuộc danh mục phí và lệ phí.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỨ TRƯỞNG

Ngô Thịnh Đức

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tá

Phụ lục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ:.....

.....

Đơn vị cung ứng dịch vụ:

.....

.....

Năm 200....

09674119

Tên đơn vị
(cung ứng dịch vụ)
Số...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2007

Kính gửi: - Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá)
- Cục Hàng không Việt Nam

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2007/TTLT/BTC-GTVT ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý giá cước vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay Việt Nam;

Căn cứ các chế độ chính sách của Nhà nước và mặt bằng giá hiện hành,.....

(tên đơn vị cung ứng dịch vụ đề nghị định giá, điều chỉnh giá) đã xây dựng phương án giá dịch vụ... (tên dịch vụ) và kiến nghị mức giá... (tên dịch vụ)/ khung giá... (tên dịch vụ)...;

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, có ý kiến để đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh của (đơn vị đề nghị) (xin gửi kèm theo phương án giá dịch vụ...).

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu.

Thủ trưởng đơn vị đề nghị định giá
(hoặc điều chỉnh giá)

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị
(cung ứng dịch vụ
VCHK)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ: Giá cước vận chuyển hàng không nội địa tuyến.....

I. Bảng tổng hợp chi phí tính cho 1 chuyến (1 chiều)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chi phí 1 chuyến bay 1 chiều		
			B737	A320	...
I	Một số chỉ tiêu				
1	Số ghế thiết kế	Ghế			
2	Hệ số sử dụng ghế bình quân	%			
3	Doanh thu vận chuyển hành khách theo giá hiện hành	đ/chuyến			
4	Doanh thu vận chuyển hàng hóa, hành lý, bưu kiện theo giá hiện hành	đ/chuyến			
II	Chi phí				
1	Chi phí trực tiếp (Chi tiết loại chi phí tính trực tiếp cho chuyến bay)	đ/chuyến			
2	Chi phí phân bổ (Chi tiết các loại chi phí phải phân bổ)	đ/chuyến			
III	Chi phí vận chuyển hành khách tính cho 1 HK.Km	đ/Hk.Km			
IV	Giá cước vận chuyển (đã bao gồm thuế GTGT)	Đ/vé 1 chiều			
V	Kiến nghị về khung giá cước vận chuyển	Đ/vé 1 chiều			

II. Giải trình các khoản mục chi phí: Giải thích cụ thể và có tài liệu chứng minh về tiêu thức phân bổ chi phí (đối với các khoản mục chi phí không tính trực tiếp được), cách tính các khoản chi phí (đối với các khoản mục chi phí tính trực tiếp cho chuyến bay như nhiên liệu, khấu hao/thuế tàu bay...).

III. So sánh với mức giá trung bình cùng loại dịch vụ của một số nước trong Khu vực ASEAN: Lập biểu so sánh

mức giá cước dự kiến điều chỉnh với mức giá cước vận chuyển nội địa của các nước ASEAN (có cự ly vận chuyển tương đương cự ly tuyến đang xây dựng phương án giá).

IV. Tính tác động của mức giá đề nghị

Với mức giá dự kiến đề nghị của đơn vị, tổng doanh thu của đơn vị tăng (giảm)... tỷ đồng/năm (bằng ...%) so với giá hiện hành.

Tên đơn vị
(cung ứng giá dịch vụ
hàng không)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ hàng không:

Đơn vị cung ứng:.....

I. Bảng tổng hợp giá dịch vụ:

Số TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền
1	Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu...		
2	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
3	Chi phí tiền lương, BHXH, KFCĐ		
4	Các khoản chi phí chung		
5	Chi phí khác		
6	Giá thành		
7	Lợi nhuận		
8	Giá dịch vụ chưa có thuế GTGT		
9	Giá dịch vụ đã có GTGT		
10	Khung giá dịch vụ		

II. Giải trình các khoản mục chi phí (cơ sở tính toán, phương pháp phân bổ để xác định từng khoản mục chi phí):

- Chi phí nguyên, nhiên, vật liệu... (chưa có thuế GTGT)
- Chi phí tiền lương, bảo hiểm xã hội

3. Chi phí khấu hao tài sản cố định
4. Các khoản chi phí chung
5. Chi phí khác
6. Giá thành
7. Lợi nhuận
8. Giá dịch vụ (chưa có GTGT)
9. Giá dịch vụ (đã có GTGT)
10. Khung giá dịch vụ (đã có thuế GTGT).

III. So sánh mức giá đề nghị với mức giá trung bình của cùng dịch vụ của các nước ASEAN: Lập biểu so sánh mức giá dự kiến điều chỉnh với mức giá cùng loại dịch vụ của các nước ASEAN.

IV. Tính tác động của mức giá đề nghị

Với mức giá dự kiến đề nghị của đơn vị, tổng doanh thu của đơn vị tăng (giảm)... tỷ đồng/năm (bằng ...%) so với giá hiện hành.